ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-323/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và lượng mưa nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp ngày 19/11 trên các sông, kênh ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 45-200cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 19/11 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 20-120cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 19/11 đều ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-210cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống theo triều, đỉnh triều cao nhất ngày 19/11 ở mức 42cm, xuống 12cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên theo kỳ triều Rằm tháng Mười (Âm Lịch).

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống theo triều đến hết ngày 20/11, sau đó lên trở lại, đỉnh triều cao nhất trong 5 ngày tới ở mức dưới BĐ1.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện hiện tượng sạt lở bờ sông, kênh, rạch khu vực sông Tiền, sông Hậu và khu vực nồi đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh kinh tế tại địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 21/11/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

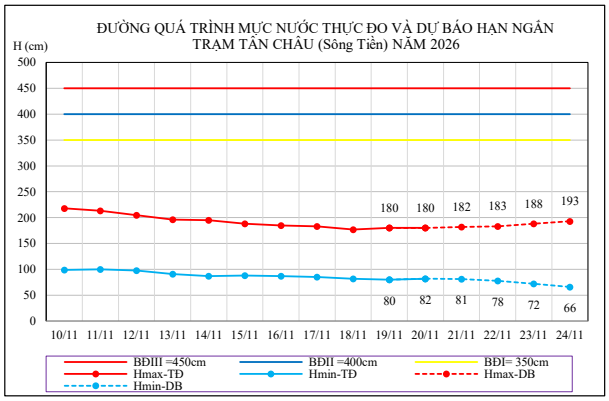
Đơn vị: cm

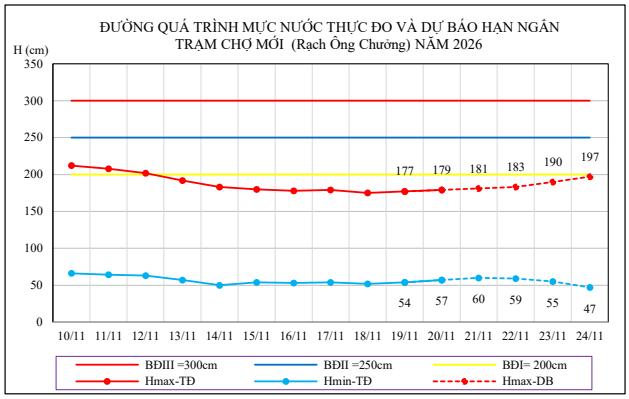
Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	19/11		18/11						20/11	21/11	22/11	23/11	24/11
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	180	3	▲	-90	▼	-73	▼	180	182	183	188	193
					Hmin	80	-2	▼	-142	▼	-137	▼	82	81	78	72	66
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	177	2	▲	-68	▼	-22	▼	179	181	183	190	197
					Hmin	54	2	▲	-105	▼	-82	▼	57	60	59	55	47
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	195	-1	▼	-164	▼	-96	▼	192	191	193	195	198
					Hmin	155	-6	▼	-198	▼	-118	▼	151	149	148	145	140
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	190	5	▲	-76	▼	-47	▼	191	193	195	201	207
					Hmin	74	-1	▼	-140	▼	-123	▼	76	72	65	58	51
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	189	5	▲	-51	▼	7	▲	189	191	195	203	211
					Hmin	50	3	▲	-88	▼	-52	▼	51	54	53	49	41
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	177	4	▲	-72	▼	-31	▼	179	181	184	191	198
					Hmin	53	1	▲	-118	▼	-99	▼	55	58	57	53	46
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	88	-6	▼	-185	▼	-129	▼	82	79	77	76	78
					Hmin	64	-6	▼	-207	▼	-148	▼	58	54	50	49	50
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	62	-9	▼	-96	▼	-56	▼	58	56	54	53	52
					Hmin	57	-5	▼	-98	▼	-58	▼	52	49	48	47	46
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	80	-9	▼	-62	▼	-21	▼	75	73	71	70	69
					Hmin	74	-4	▼	-64	▼	-19	▼	68	65	64	63	62
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	74	-6	▼	-62	▼	-23	▼	70	68	66	65	64
					Hmin	67	-5	▼	-65	▼	-24	▼	61	58	57	56	55
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	75	-6	▼	-69	▼	-28	▼	72	70	68	67	66
					Hmin	69	-4	▼	-72	▼	-29	▼	63	61	60	59	58
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	88	-8	▼	-95	▼	-73	▼	85	84	82	83	85
					Hmin	64	2	▲	-116	▼	-91	▼	59	55	50	50	52
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	103	-8	▼	-65	▼	-23	▼	96	94	92	90	88
					Hmin	83	-6	▼	-83	▼	-39	▼	78	76	74	72	70
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	78	-8	▼	-45	▼	-18	▼	74	72	70	69	68
					Hmin	70	-5	▼	-50	▼	-22	▼	65	63	62	61	60
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	62	-7	▼	-91	▼	-63	▼	55	53	51	50	49
					Hmin	52	-7	▼	-98	▼	-70	▼	45	43	41	41	41
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	117	-6	▼	-59	▼	-17	▼	111	109	110	112	115
					Hmin	92	-6	▼	-78	▼	-36	▼	87	85	86	87	89
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	148	-4	▼	-71	▼	-27	▼	144	143	145	147	150
					Hmin	88	-6	▼	-117	▼	-71	▼	82	80	81	82	84

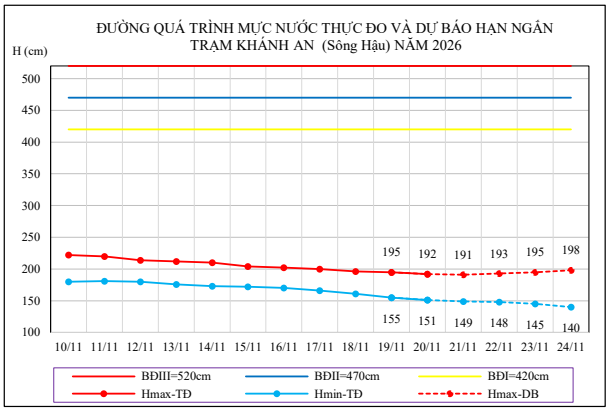
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**109**	-8 ▼	-59 ▼	-34 ▼	103	101	102	104	107
					Hmin	**73**	-7 ▼	-79 ▼	-60 ▼	66	64	64	65	67
	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**91**	-7 ▼	-46 ▼	-15 ▼	87	84	82	81	82
					Hmin	**72**	-5 ▼	-63 ▼	-26 ▼	68	65	62	61	61
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**76**	-5 ▼	-40 ▼	-19 ▼	70	66	64	63	63
					Hmin	**62**	-9 ▼	-53 ▼	-29 ▼	59	57	56	55	54
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**41**	-15 ▼	-22 ▼	-19 ▼	44	46	50	53	56
					Hmin	**1**	-1 ▼	-1 ▼	3 ▲	3	1	-1	-3	-5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**42**	-12 ▼	-24 ▼	-18 ▼	45	49	59	67	72
					Hmin	**-16**	-4 ▼	-9 ▼	3 ▲	-9	-11	-17	-22	-25

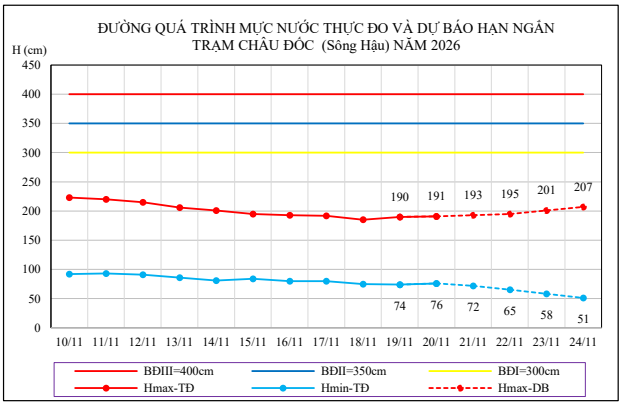
Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

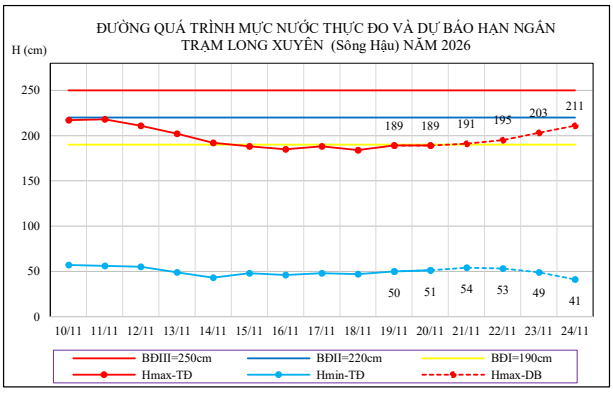
Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

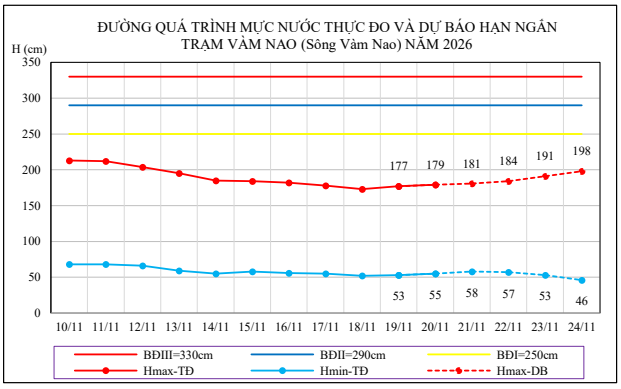


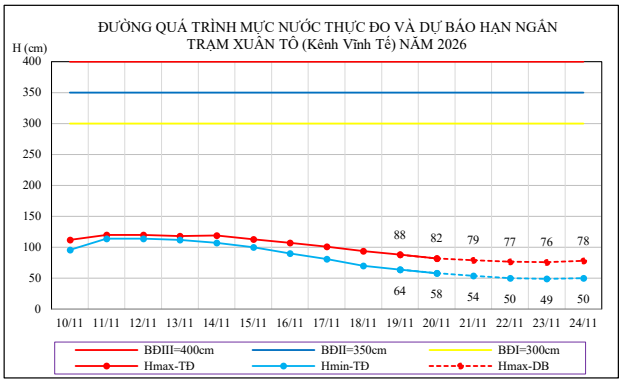


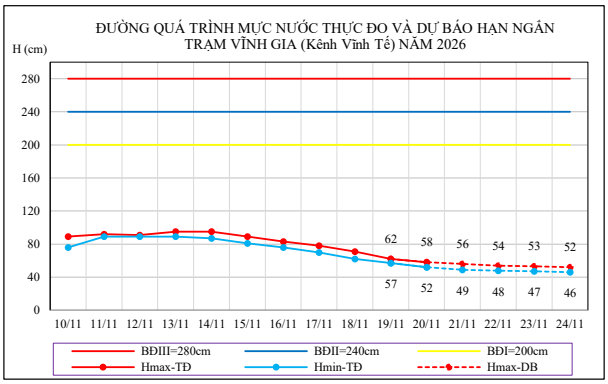


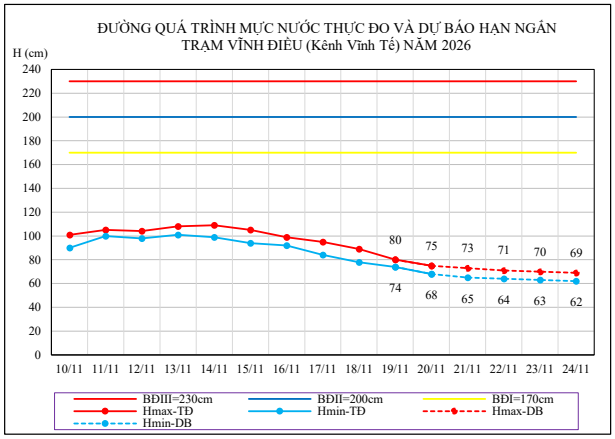


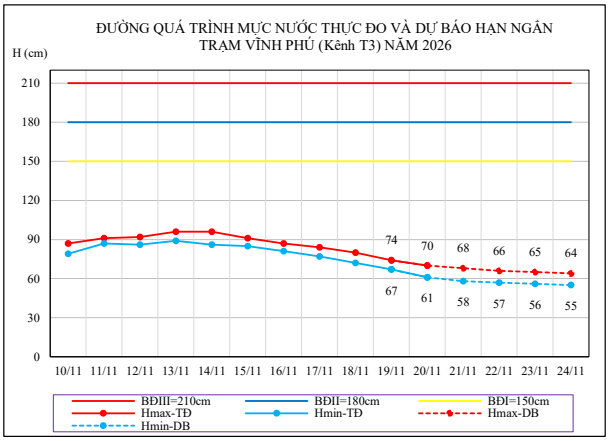


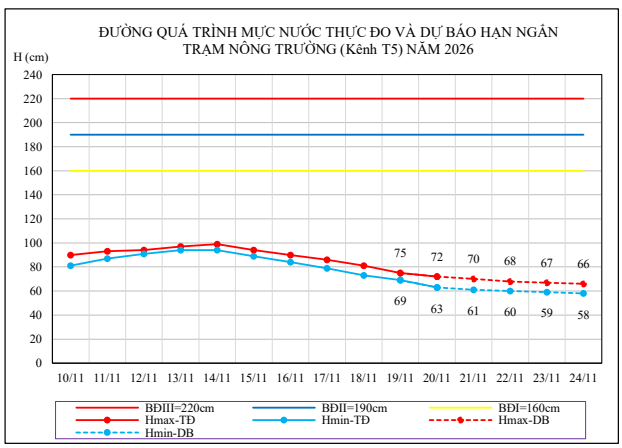


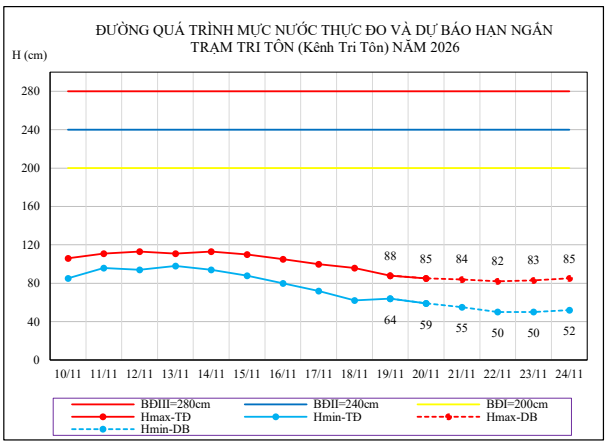

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=400cm
BĐII=350cm
BĐI=300cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

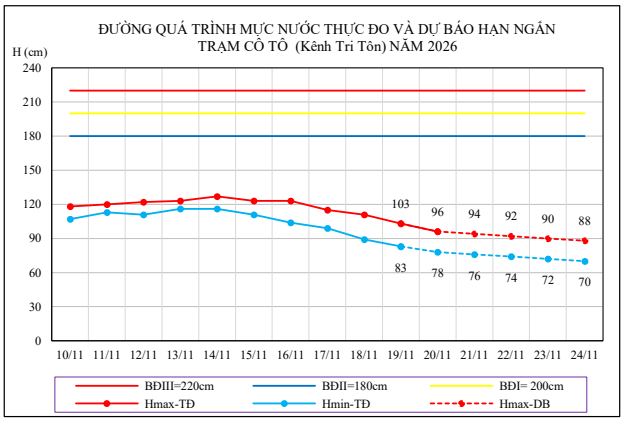

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

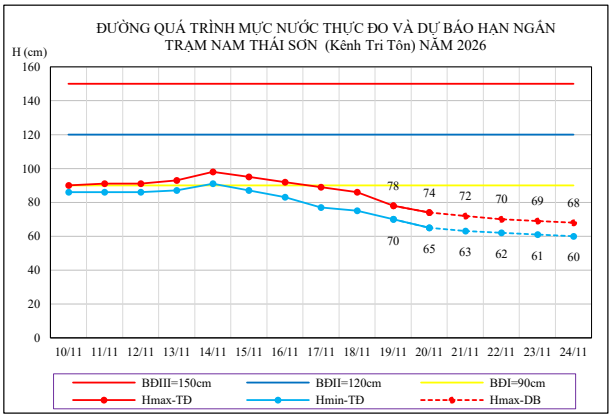

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=230cm
BĐII=200cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

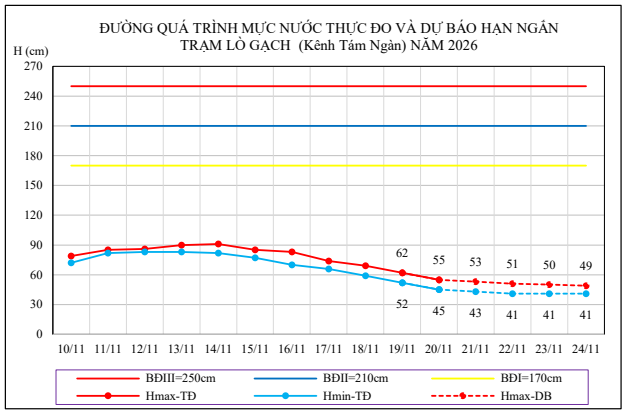

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=210cm
BĐII=180cm
BĐI=150cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

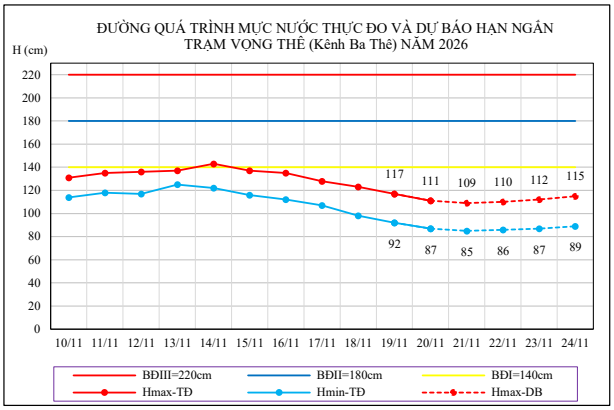

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=220cm
BĐII=190cm
BĐI=160cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

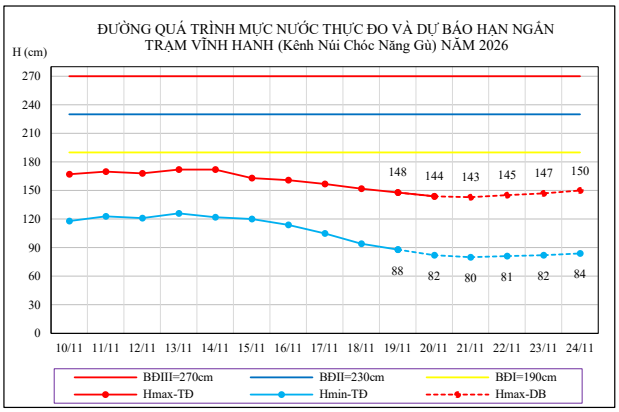

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

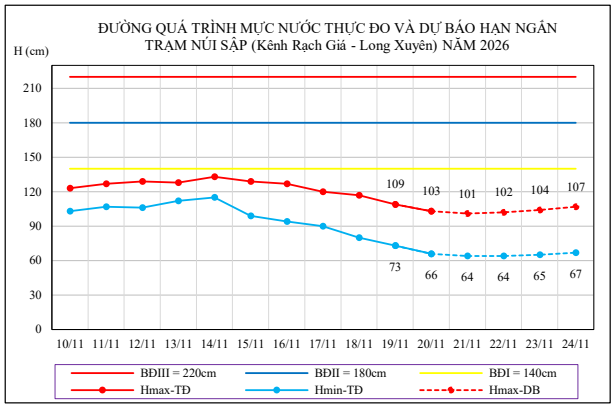

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI= 200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

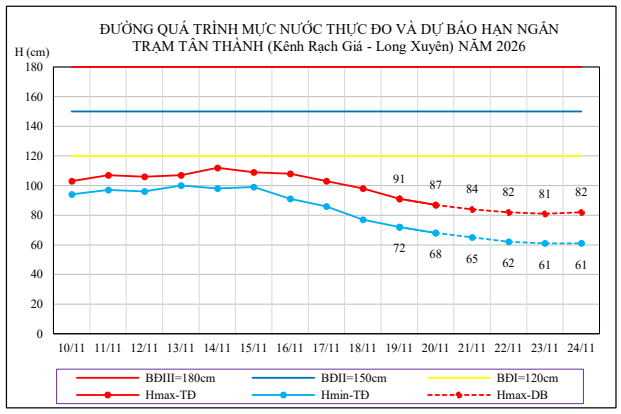

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

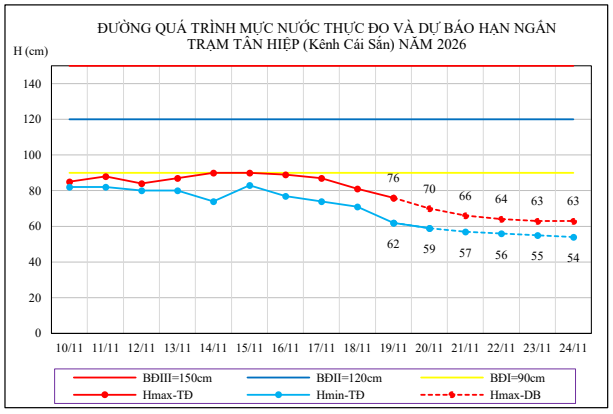

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
270
240
210
180
150
120
90
60
30
0
62
55
53
51
50
49
52
45
43
41
41
41
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=250cm
BĐII=210cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

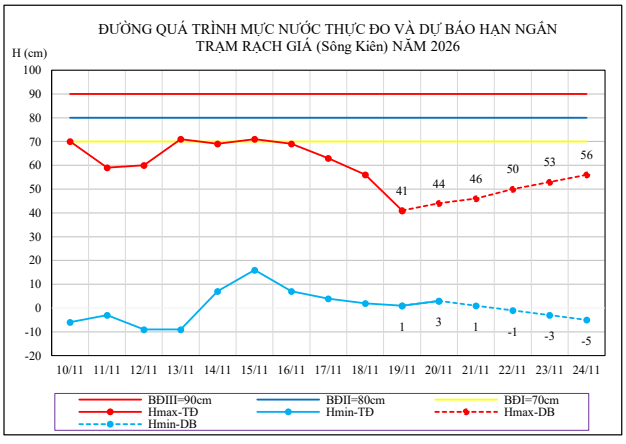

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
117
111
109
110
112
115
92
87
85
86
87
89
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI=140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

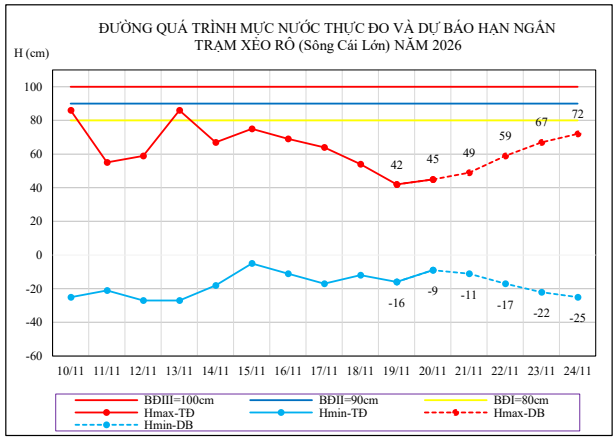

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
270
240
210
180
150
120
90
60
30
0
148
144
143
145
147
150
88
82
80
81
82
84
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=270cm
BĐII=230cm
BĐI=190cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
210
180
150
120
90
60
30
0
109
103
101
102
104
107
73
66
64
64
65
67
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII = 220cm
BĐII = 180cm
BĐI = 140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
91
87
84
82
81
82
72
68
65
62
61
61
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=180cm
BĐII=150cm
BĐI=120cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
140
120
100
80
60
40
20
0
76
70
66
64
63
63
62
59
57
56
55
54
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
-10
-20
41
44
46
50
53
56
1
3
1
-1
-3
-5
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=90cm
BĐII=80cm
BĐI=70cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
100
80
60
40
20
0
-20
-40
-60
42
45
49
59
67
72
-16
-9
-11
-17
-22
-25
10/11 11/11 12/11 13/11 14/11 15/11 16/11 17/11 18/11 19/11 20/11 21/11 22/11 23/11 24/11
BĐIII=100cm
BĐII=90cm
BĐI=80cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB